

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2872/SYT-QLBHYT&HNYD
V/v báo cáo kết quả thực hiện Nghị định
109/2016/NĐ-CP và Nghị định
155/2018/NĐ-CP

Kiên Giang, ngày 16 tháng 8 năm 2022



Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Y tế;
- Các Bệnh viện đa khoa tư nhân;
- Phòng khám đa khoa tư nhân.

Căn cứ Công văn số 1033/KCB-QLHN ngày 10/8/2022 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh Bộ Y tế về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị định 109/2016/NĐ-CP và Nghị định 155/2018/NĐ-CP (văn bản đính kèm).

Sở Y tế đề nghị các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Y tế; Bệnh viện đa khoa tư nhân, Phòng Khám đa khoa thực hiện một số nội dung sau:

1. Báo cáo số người làm việc tại đơn vị theo mẫu phụ lục 1 (đơn vị báo cáo tất cả các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Y tế; Bệnh viện đa khoa tư nhân, Phòng Khám đa khoa).

2. Báo cáo cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý theo mẫu phụ lục 2 (đơn vị báo cáo các Trung tâm Y tế huyện, thành phố).

3. Thời gian báo cáo đến hết ngày 19/8/2022. Báo cáo gửi về Sở Y tế qua Phòng Quản lý Bảo hiểm y tế và Hành nghề y dược, kèm file mềm qua địa chỉ mail: (nqkhanh.syt@kiengiang.gov.vn) để tổng hợp báo cáo về Bộ Y tế. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở Y tế;
- Trang TTĐT, HSCVSYT;
- Lưu: VT, QL BHYT & HNYD "K"

GIÁM ĐỐC



Hà Văn Phúc

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu phụ lục 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI ĐƠN VỊ
(dành cho tất cả các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Y tế; Bệnh viện đa khoa tư nhân, Phòng Khám đa khoa)

Stt	Đối tượng	Có chứng chỉ hành nghề	Chưa có chứng chỉ hành nghề	Số lượng cán bộ nhà nước tham gia KCB tư nhân hành nghề ngoài giờ hoặc phòng khám ngoài giờ	Ghi chú
1	Bác sĩ				
2	Y sĩ				
3	Điều dưỡng viên				
4	Hộ sinh viên				
5	Kỹ thuật viên				
6	Lương y				
7	Người có bài thuốc gia truyền				
8	Cán bộ khác				
Tổng cộng					

BÁO CÁO

Cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý
(dành cho Trung tâm Y tế huyện, thành phố)

TT	Hình thức tổ chức cơ sở KCB	Số lượng GPHD đã cấp cho các cơ sở KCB		Số lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa cấp (nếu có)	Tổng số
		Tư nhân	Nhà nước		
1	Tổng số Bệnh viện (bao gồm cả bệnh viện đa khoa và chuyên khoa)				
1.1	Tổng số Bệnh viện Đa khoa				
1.2	Tổng số Bệnh viện Chuyên khoa				
1.2.1	Bệnh viện Chuyên khoa Phụ Sản				
1.2.2	Bệnh viện chuyên khoa Nhi				
1.2.3	Bệnh viện Chuyên khoa Mắt				
1.2.4	Bệnh viện chuyên khoa RHM				
1.2.5	Bệnh viện Chuyên khoa PT Thẩm Mỹ				
2	Tổng số Cơ sở giám định y khoa				
2.1	CSGD Y khoa được cấp dưới hình thức tổ chức Bệnh viện				
2.2	CSGD Y khoa được cấp dưới hình thức tổ chức PKĐK				
2.3	CSGD Y khoa được cấp dưới hình thức tổ chức PKCK				
3	Phòng khám đa khoa				
4	Tổng số Phòng khám chuyên khoa (PKCK)				
4.1	PKCK thẩm mỹ				

4.2	PKCK Nhi				
4.3	PKCK Tai Mũi Họng				
4.4	PKCK RHM				
4.5	PKCK Mắt				
4.6	PKCK Phụ sản				
4.7	PKCK Khác				
5	Phòng xét nghiệm				
6	PKCK bác sỹ gia đình				
7	Phòng chẩn trị y học cổ truyền				
8	Nhà hộ sinh				
9	Phòng khám CDHA, Phòng X-Quang				
10	Phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng				
11	Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp				
12	Tổng số Cơ sở dịch vụ y tế				
12.1	Cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp				
12.2	Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà				
12.3	Cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài				
12.4	Cơ sở dịch vụ kính thuốc				
12.5	Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ (tự công bố)				
12.6	Cơ sở dịch vụ xoa bóp (tự công bố)				
12.7	Cơ sở dịch vụ y tế khác				
13	Trạm y tế cấp xã và tương đương				
14	Y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức				
16	Khác				

	Tổng số				
--	----------------	--	--	--	--